

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH ĐẾN NĂM 2000

I. CÁC KẾT QUẢ CHỦ YẾU

1. Qua 5 năm thực hiện giai đoạn 2 của Chiến lược Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đến năm 2000 “Mở rộng toàn diện và thực hiện có hiệu quả công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình trên phạm vi cả nước”, công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm đã giảm xuống còn 1,7% thời kỳ 1989-1999, giảm 0,5% so với thời kỳ 1979-1989. Tuy chưa có số liệu chính thức về mức giảm tỷ lệ sinh năm 2000, nhưng ước tính tỷ suất sinh năm 2000 là 19,34‰, vượt so với mục tiêu của Chiến lược Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đến năm 2000 là 23,92‰. Như vậy, thời kỳ 1996-2000, bình quân mỗi năm tỷ suất sinh giảm 0,69‰, vượt chỉ tiêu kế hoạch đã được Quốc hội thông qua (tỷ suất sinh giảm bình quân 0,6‰). Số con trung bình của một phụ nữ trong tuổi sinh đẻ đã giảm từ 3,8 con năm 1989 xuống còn khoảng 2,3 con năm 1999 và có thể đạt mức sinh thay thế vào năm 2005.

2. Các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đã được quán triệt sâu sắc, thể hiện qua việc vận dụng sáng tạo và tổ chức thực hiện linh hoạt các giải pháp của chính sách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình.

Hệ thống làm công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình được củng cố và kiện toàn từ trung ương đến cơ sở về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc; đội ngũ cán bộ chuyên trách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình các cấp được tăng cường về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng, đảm bảo triển khai công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đến tận người dân.

Kinh phí Nhà nước đầu tư cho công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình được quan tâm hơn, tổng, nguồn vốn huy động cho chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình trong 5 năm qua (1996-2000) là 1.523.914 triệu đồng (Ngân sách Nhà nước: 1.212.914 triệu đồng; Viện trợ và vốn vay của WB và ADB là 311.000 triệu đồng). Cơ chế quản lý được thực hiện phân bổ công khai và đưa đại bộ phận kinh phí về địa phương, quản lý theo chương trình mục tiêu, thực hiện thông qua hợp đồng trách nhiệm là tăng hiệu quả sử dụng kinh phí.

Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông và vận động mở rộng về phạm vi và đối tượng, được nâng cao một bước về chất lượng, phong phú dần về hình thức, hấp dẫn hơn về nội dung, có đông đảo lực lượng tham gia, đổi mới về cách làm đã có tác dụng nâng cao nhận thức của toàn xã hội về Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, hiểu rõ sự cần thiết và lợi ích của kế hoạch hoá gia đình, chấp nhận gia đình ít con.

Hệ thống dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được củng cố và phát triển cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo cán bộ; các mô hình cung cấp dịch vụ linh hoạt được triển khai để đưa dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến từng gia đình và người sử dụng.

Một số chính sách, chế độ đã được ban hành và triển khai thực hiện bước đầu tạo được môi trường thuận lợi thúc đẩy phong trào thực hiện kế hoạch hoá gia đình trong nhân dân ở cả cấp độ cá nhân, gia đình lẫn tập thể và cộng đồng.

II. NHỮNG TỒN TẠI

1. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm sinh trong những năm qua đã được chứng tỏ sự thành công của chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình. Nhưng những kết quả đó còn chưa vững chắc và còn chứa đựng nhiều yếu tố bùng nổ, đòi hỏi sự quan tâm lớn hơn nữa của Đảng, Nhà nước trong việc giải quyết thành công các vấn đề dân số ở nước ta.

2. Chương trình dân số còn mất sự cân đối. Do tập trung vào mục tiêu giảm nhanh mức sinh nên chương trình mới chỉ tập trung vào kế hoạch hoá gia đình, trong khi đó các thành phần của vấn đề dân số bao gồm quy mô, chất lượng, cơ cấu và sự phân bố dân cư có mối liên quan trực tiếp với nhau và tác động thúc đẩy lẫn nhau lại chưa được chú ý thích đáng.

3. Năng lực quản lý và việc tổ chức thực hiện các giải pháp của chính sách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình còn có điểm bất cập cả về tổ chức bộ máy, tuyên truyền vận động, chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, hệ thống chính sách, chế độ, năng lực quản lý và nghiên cứu khoa học.

4. Việc lồng ghép các yếu tố dân số vào quá trình lập kế hoạch và xây dựng chính sách kinh tế - xã hội chưa được chú trọng và thực hiện hiệu quả. Đầu tư nguồn lực cho chính sách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu kinh phí cho mở rộng nội dung hoạt động. Mặc dù trong những năm 1993-1994, Nhà nước đã tăng ngân sách cho chương trình mục tiêu Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, nhưng mức đầu tư này còn thấp so với yêu cầu thực tế.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Chính sách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình do Đảng và Nhà nước đề ra phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, thực sự đem lại lợi ích kinh tế, tinh thần và sức khoẻ cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội, nên đã được các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng và tích cực thực hiện. Đảng và chính quyền các cấp đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực và kiện toàn bộ máy làm công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình các cấp, nhất là đội ngũ công tác viên dân số ở cơ sở. Chính phủ đã cam kết mạnh mẽ đối với chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách và nghị quyết về Dân số - Kế hoạch hoá gia đình xuống

các cấp cơ sở.

Chiến lược Dân số - Kế hoạch hoá gia đình được triển khai trong bối cảnh đất nước phát triển mạnh mẽ nhờ công cuộc đổi mới toàn diện. Sự tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và kết quả của chương trình xoá đói giảm nghèo trong những năm qua đã tạo tiền đề cơ bản cho việc cải thiện đời sống, chăm sóc sức khoẻ và nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân ở hầu hết các vùng trong cả nước, đặc biệt là những vùng khó khăn.

Mục tiêu và các giải pháp đề ra trong Chiến lược Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đến năm 2000 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cơ chế quản lý thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia về nâng cao năng lực quản lý, thông tin - giáo dục - truyền thông và cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đã tỏ ra có hiệu quả, tạo được sự tập trung nguồn lực cho cơ sở và đảm bảo sự phối hợp, ủng hộ của các ngành, đoàn thể. Công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình bước đầu được xã hội hoá với sự tham gia của nhiều ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội và tổ chức quốc tế.

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư